

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 27- 8 - 2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hồng Phượng.

2. Ông Nguyễn Văn Phước.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **162/2020/TLST-HNGĐ** ngày **16 tháng 3 năm 2020** về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **65/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 21 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số **83/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Cao Thị Diệu A**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Số nhà R40, tổ 12, ấp II, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Trọng Q**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **ấp Suối Cả, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

(**Chị A** đề nghị xét xử vắng mặt, **anh Q** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: **Chị và anh Q** tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã B. **Sau khi kết hôn, anh chị sống không hạnh phúc**, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do **anh Q** thường xuyên đi sớm về khuya, cờ bạc số đề, không lo cho gia đình, nợ nần chồng chất, chủ nợ thì suốt ngày kiếm mẹ con chị đòi nợ. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, **chị về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 6 năm 2017**, còn **anh Q** bỏ nhà đi

không về, không liên lạc được, Tòa án đã tuyên bố anh Q mất tích. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/8/2012, hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phúc, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Hiện nay chị có đủ điều kiện nuôi con, chị có công việc thu nhập ổn định, ở chung với cha mẹ ruột.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Nguyễn Trọng Q*: Anh Q đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị Diệu A và anh Nguyễn Trọng Q là hôn nhân hợp pháp, anh chị sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2011 tại UBND xã B, huyện L, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Chị A đã làm thủ tục tuyên bố anh Q mất tích và được TAND huyện Long Thành giải quyết bằng quyết định 01/2020/QĐST-DS ngày 02/01/2020 tuyên bố anh Q mất tích. Nay chị A có yêu cầu ly hôn với anh Q.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117 Luật HNGĐ năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/8/2012 chị A có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phúc, bản thân cháu Phúc cũng có nguyện vọng được sống với chị A nên đề nghị giao cháu Phúc cho chị A nuôi dưỡng, tạm thời không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Nguyên đơn đã nộp theo qui định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Q đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh Q vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị A, anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122/2011, ngày 12/10/2011, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn trầm trọng nên anh Q đã bỏ đi và đã sống ly thân. Chị A đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên bố anh Q mất tích và đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định số 01/2020/QĐST-DS ngày 02/01/2020 về việc tuyên bố anh Q mất tích. Như vậy, giữa chị A và anh Q không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị A và anh Q.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/8/2012, hiện cháu đang sống với chị A. Chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Phúc cũng có nguyện vọng được sống với chị A. Xét thấy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt và đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Phúc, xét yêu cầu về con chung của chị A là có căn cứ chấp nhận, giao cháu Phúc cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Q không gửi yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị A khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Diệu A về việc tranh chấp ly hôn đối với anh Nguyễn Trọng Q, cho ly hôn giữa chị A và anh Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/8/2012 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003235 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị A, anh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã B.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

Chị Loan, anh Hòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa

